

Số: 47/QĐ-ĐHDL

Lâm Đồng, ngày 17 tháng 1 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Luật; mã ngành: 8380101

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

Căn cứ Quyết định số 426/TTg ngày 27 tháng 10 năm 1976 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Đà Lạt;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, định chi hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 815/NQ-ĐHDL-HĐT ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Đà Lạt nhiệm kỳ 2019-2024 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đà Lạt;

Căn cứ Quyết định số 436/QĐ-ĐHDL ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Biên bản họp thẩm định Đề án mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Luật – mã ngành 8380101 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Sau đại học;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Luật; mã ngành: 8380101 của Trường Đại học Đà Lạt.

Điều 2. Việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh, tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp thực hiện theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại học Đà Lạt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Trường phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, QLĐTSDH.

full

HIỆU TRƯỞNG



Lê Minh Chiến

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT



ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH LUẬT TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

MÃ SỐ: 8380101
ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU &
ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG

Lâm Đồng, năm 2022

MỤC LỤC

1. Thông tin cơ bản về Trường Đại học Đà Lạt và Khoa Luật học.....	2
1.1. Trường Đại học Đà Lạt.....	2
1.2. Khoa Luật học	7
2. Sự cần thiết mở ngành Thạc sĩ Luật.....	9
2.1. Nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao	9
2.2. Nhu cầu nguồn nhân lực tư pháp quốc gia chất lượng cao	11
2.3. Nhu cầu đội ngũ Luật sư chất lượng cao	12
2.4. Nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao trình độ Thạc sĩ ngành Luật và nhu cầu tham dự khóa đào tạo Thạc sĩ ngành Luật.....	13
3. Chương trình đào tạo	16
3.1. Chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu	16
3.2. Chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng	19
4. Điều kiện đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo Thạc sĩ ngành Luật.....	21
5. Điều kiện cơ sở vật chất để mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Luật	23
6. Điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo Thạc sĩ ngành Luật	23
7. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa và xử lý rủi ro.....	24

1. Thông tin cơ bản về Trường Đại học Đà Lạt và Khoa Luật học

1.1. Trường Đại học Đà Lạt

Trường Đại học Đà Lạt là một trường công lập đóng chân trên địa bàn Tây Nguyên - một địa bàn chiến lược quan trọng của quốc gia, được thành lập theo quyết định số 426/TTg ngày 27 tháng 10 năm 1976 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Cơ sở tiền thân của Trường là Viện Đại học Đà Lạt được thành lập vào năm 1957. Trong suốt 47 năm qua, kể từ khi được tổ chức lại, Trường đã liên tục đổi mới, phát triển và đã đào tạo hàng chục ngàn kỹ sư, cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ góp phần to lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội cho đất nước nói chung và các tỉnh Tây Nguyên, duyên hải Nam Trung bộ và Đông Nam bộ nói riêng.

Tính đến tháng 12 năm 2022, đội ngũ cán bộ khoa học của Trường có: 1 giáo sư, 17 phó giáo sư, 103 tiến sĩ, 163 thạc sĩ và 13 đại học 14 cán bộ nghiên cứu viên (trong đó có 1 tiến sĩ, 9 thạc sĩ và 4 đại học); số chuyên viên và tương đương: 99; số lượng người lao động: 30. Tỷ lệ giảng viên tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học là 73.5%. Hiện tại, Trường đào tạo đa ngành, bao gồm các khối ngành khoa học tự nhiên - công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn, kinh tế, du lịch với 3 bậc đào tạo: đại học, thạc sĩ và tiến sĩ.

Hiện Trường đang đào tạo 41 chương trình đại học chính quy, (9 ngành đào tạo sư phạm, 7 ngành đào tạo kỹ sư, 25 ngành đào tạo cử nhân). Tính từ năm 1981 đến nay, Trường đã có hàng chục ngàn kỹ sư và cử nhân tốt nghiệp. Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp đạt trên 80%.

Từ năm 1993, Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo trình độ thạc sĩ. Hiện Trường đang đào tạo 09 ngành trình độ thạc sĩ: Toán giải tích, Vật lý kỹ thuật, Hóa phân tích, Sinh thái học, Sinh học thực nghiệm, Văn học Việt Nam, Lịch sử Việt Nam, Quản trị kinh doanh và Ngôn ngữ Anh. Tính đến nay, sau 30 năm đào tạo trình độ thạc sĩ với các chuyên ngành trên, đã có hơn 1.000 thạc sĩ đã tốt nghiệp.

Ngày 14/7/2005, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định số 174/2005/QĐ-TTg, về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ cho trường Đại học Đà Lạt. Đến nay Trường đang đào tạo 6 chuyên ngành trình độ tiến sĩ: Toán giải tích, Vật lý kỹ thuật, Hóa phân tích, Sinh thái học, Văn học Việt Nam, Lịch sử Việt Nam và đã có hàng chục nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án và nhận học vị tiến sĩ.

Trường có cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng tốt yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của chương trình đào tạo. Cụ thể, tính đến tháng 8/2022, Trường có tổng diện tích gần 40 hecta, các khu giảng đường gồm 131 phòng, với tổng diện tích sàn 10.504 m². Quy mô phòng học trung bình là 25 – 150 sinh viên. Diện tích phòng học bình quân cho mỗi sinh viên là 2,5 m², đạt tiêu chuẩn hiện hành. Trường có 165 phòng ký túc xá, với tổng diện tích sàn 10.665 m²; một sân vận động và nhà thi đấu đa năng, với diện tích 2.168 m².

Trường có hệ thống thư viện hiện đại, với diện tích sử dụng 8.400 m², và toàn bộ khuôn viên được phủ sóng wifi tốc độ cao, cùng với thư viện điện tử đã được thiết lập. Tính đến năm 2022, tổng số lượng tài liệu trên thư viện điện tử là 85.568 đầu tài liệu, trong đó tổng số lượng luận văn, luận án là 2.329; bài báo, tạp chí là 25.657; kết quả nghiên khoa học là 10.076; kỷ yếu hội nghị hội thảo là 812; sách, giáo trình là 46.546 đầu tài liệu. Thư viện đã trang bị phần mềm quản lý Libol từ năm 2002, phần mềm mã nguồn mở DSpace để quản lý và khai thác nguồn tài liệu số một cách khoa học, hiệu quả. Thư viện điện tử của Trường hiện đang khai thác nhiều bộ cơ sở dữ liệu có giá trị học thuật cao như: Sage Books, Sage Journals, Online Wiley Library, Taylor & Francis, ProQuest, MathScinet, Springer, IEEE, Thomson Innovation, Sachweb, Tạp chí chuyên ngành Khoa học & Công nghệ, và đặc biệt là nguồn dữ liệu từ Thư viện số Tài liệu nội sinh của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tạp chí Khoa học Đại học Đà Lạt là một trong 06 tạp chí khoa học đầu tiên của Việt Nam được chấp thuận chỉ mục vào Hệ thống trích dẫn khoa học các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN Citation Index – ACI) từ 2017; là tạp chí khoa học đa ngành đầu tiên xuất bản bởi một đơn vị trong nước được chấp nhận làm thành viên chính thức của Ủy ban Đạo đức xuất bản quốc tế (Committee on Publication Ethics –

COPE) từ 2018 và được chỉ mục vào Thư mục Các tạp chí truy cập tự do (Directory of Open Access Journals – DOAJ) – một cơ sở dữ liệu khoa học quốc tế uy tín; là tạp chí đầu tiên và duy nhất của Việt Nam được cấp DOAJ SEAL từ 2020, và trở thành đối tác chính thức của Publons (Web of Science) từ 2021. Ngoài ra, Trường còn tích cực tham gia vào các hoạt động đóng góp cho sự phát triển của xã hội/cộng đồng.

Giá trị cốt lõi: THỤ NHÂN – KHAI PHÓNG – BẢN SẮC

Thụ nhân: Phương châm giáo dục nhân bản, nhân văn trong sự nghiệp trồng người; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, tài đức để xây dựng đất nước.

Khai phóng: Giáo dục khai phóng (Liberal Arts Education) giúp hình thành những cá nhân toàn diện ở nhiều lĩnh vực; cá nhân có phẩm chất đạo đức, nền tảng tri thức, tư duy mở và liên ngành, có kỹ năng và tinh thần tự học, những giá trị quan trọng của giáo dục khai phóng; kỹ năng giải quyết vấn đề, tư duy phản biện và khả năng sáng tạo, thích ứng với sự thay đổi không ngừng của xã hội.

Bản sắc: Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bản sắc Trường Đại học Đà Lạt, phát huy phong cách người Đà Lạt hiền hòa, thanh lịch, mến khách.

Định hướng

Đến năm 2030, là trường đại học được kiểm định theo các tiêu chuẩn của Mạng lưới bảo đảm chất lượng các trường đại học Đông Nam Á.

Đến năm 2030, phát triển Trường Đại học Đà Lạt thành Đại học Đà Lạt.

Sứ mạng

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực Tây Nguyên và cả nước.

Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ cho khu vực Tây Nguyên và phụ cận, thực hiện trách nhiệm phục vụ cộng đồng.

Mục tiêu

Xây dựng Trường Đại học Đà Lạt trở thành Trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học có chất lượng được công nhận của hệ thống đào tạo quốc tế và Việt Nam.

Xây dựng Trường theo hướng nghiên cứu kết hợp ứng dụng; đa dạng hóa ngành nghề, lĩnh vực đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội, phục vụ phát triển kinh tế, văn hóa xã hội của đất nước, chủ động hợp tác và hội nhập quốc tế.

Huy động trí tuệ tập thể trong và ngoài Trường nhằm mục tiêu phát triển toàn diện Trường Đại học Đà Lạt.

Chính sách chất lượng

Tạo môi trường giáo dục hội nhập và vượt lên trên các tiêu chuẩn nền tảng bằng cách tích hợp công nghệ, áp dụng các phương pháp dạy học tích cực theo chuẩn đầu ra CDIO, học tập trải nghiệm và đánh giá theo năng lực trong suốt quá trình dạy học để đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học và sự thay đổi xã hội;

Xây dựng môi trường làm việc và học tập thân thiện, chuyên nghiệp, sáng tạo;

Đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, phát triển các ngành đào tạo mới;

Mở rộng mối quan hệ hợp tác cùng có lợi với các cơ quan, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, các đối tác chiến lược trong nước và quốc tế trong lĩnh vực giáo dục và NCKH, phục vụ sự phát triển kinh tế khu vực Tây Nguyên – Nam Trung Bộ.

Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Đà Lạt

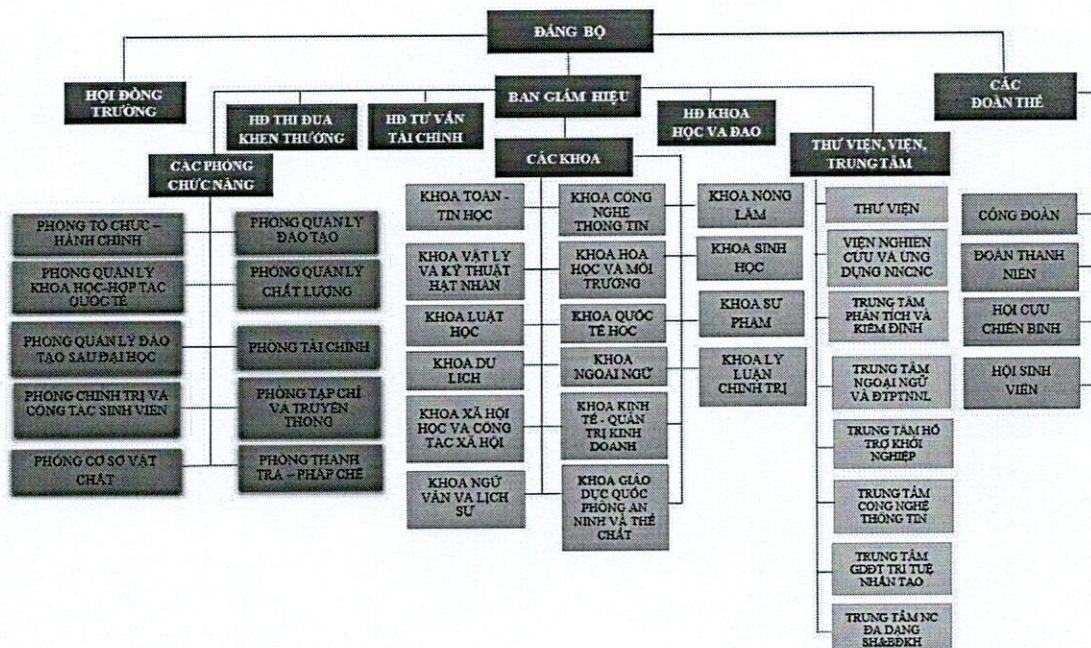
Mô hình tổ chức: Trường Đại học Đà Lạt được tổ chức theo mô hình 3 cấp, bao gồm:

Đảng ủy, Hội đồng Trường.

Ban Giám hiệu.

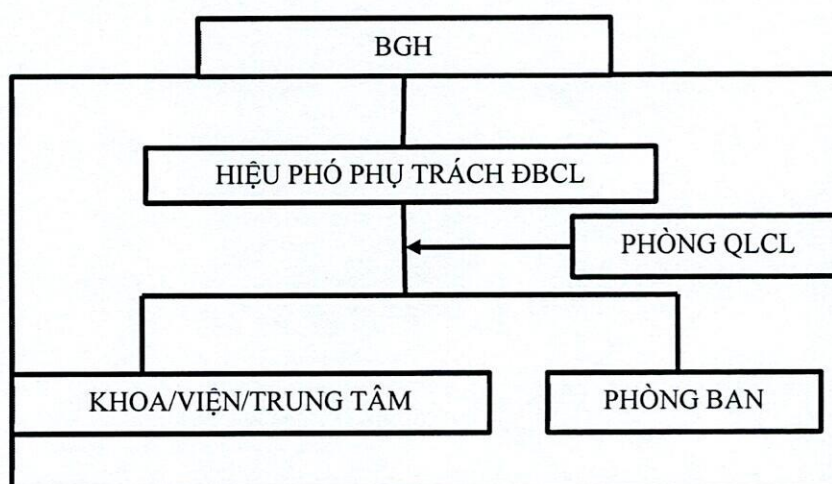
Các Phòng, Ban, Khoa, Viện, Trung tâm.

Cụ thể như sau:



Hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ

Trường Đại học Đà Lạt có bộ phận chuyên trách về công tác đảm bảo chất lượng là Phòng Quản lý chất lượng (từ 2019) được đổi tên từ Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng và tiền thân là Phòng Khảo thí – Kiểm định được điều hành bởi Trưởng phòng, giúp việc cho Trưởng phòng gồm 4 cán bộ chuyên trách đảm bảo chất lượng, cùng 36 cán bộ đảm bảo chất lượng bán chuyên trách ở các Phòng ban, Khoa, Viện, Trung tâm triển khai các hoạt động đảm bảo chất lượng nội bộ. Cấu trúc của hệ thống được thể hiện theo sơ đồ như sau:



Hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ của trường đại học bao gồm các chính sách chất lượng, chiến lược đảm bảo chất lượng, cơ chế đảm bảo chất lượng, kế hoạch đảm bảo chất lượng, quy trình đảm bảo chất lượng, các công cụ đảm bảo chất lượng và các hoạt động đảm bảo chất lượng. Toàn bộ hoạt động đảm bảo chất lượng của Trường Đại học Đà Lạt thực hiện theo chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được thể hiện trong vòng tròn chất lượng Deming, PDCA (Plan-Do-Check-ACT). Hàng năm, Hệ thống Đảm bảo chất lượng nội bộ được xem xét và cải tiến dựa trên phản hồi từ các bên liên quan. Hiện nay, Trường đang thực hiện kiểm định chất lượng đào tạo theo tiêu chuẩn kiểm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và tiêu chuẩn kiểm định quốc tế AUN - QA. Trường đã kiểm định và đạt chứng nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp cơ sở giáo dục bởi Trung tâm Kiểm định chất lượng

giáo dục, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 23/8/2019. Tháng 4/2020 Trường chính thức trở thành thành viên của AUN.

1.2. Khoa Luật học

Tên Khoa: Khoa Luật học

Tên tiếng Việt: Khoa Luật học

Tên tiếng Anh: Faculty of Law

Tên viết tắt của Khoa: LH

Từ 2001 đến 2003 Ban Luật học, từ 2003 đến 2008 Khoa Luật, từ 2008 đến nay Khoa Luật học

Năm thành lập: 2001

Cơ quan chủ quản: Trường Đại học Đà Lạt

Địa chỉ: Khoa Luật học Trường Đại học Đà Lạt, số 1 Phù Đổng Thiên Vương, Đà Lạt, Lâm Đồng.

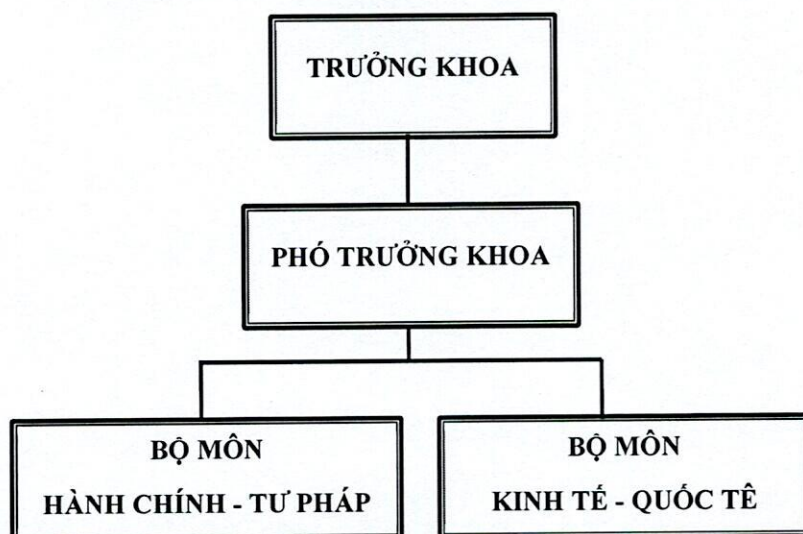
Số điện thoại liên hệ: 02633 554457

E-mail: khoaluathoc@dlu.edu.vn

Website: <http://klh.dlu.edu.vn>

Thời gian đào tạo khóa đầu tiên: 2001 – 2005

Sơ đồ Cơ cấu tổ chức hành chính của Khoa



Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Khoa

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Loan	Trưởng Khoa
2	Nguyễn Văn Nghiệp	Phó Trưởng khoa
3	Trần Thị Ngọc Kim	Phó Trưởng khoa, kiêm Phó trưởng bộ môn
4	Võ Thị Thanh Linh	Phó trưởng bộ môn

Khoa Luật học – Trường Đại học Đà Lạt được Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập theo Quyết định số 3585/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 7 năm 2003 trên cơ sở Ban Luật học (2001) thuộc trường Đại học Đà Lạt.

Khoa Luật học – Trường Đại học Đà Lạt là một trong 6 cơ sở đào tạo luật đầu tiên trong cả nước. Lịch sử hình thành và phát triển của Khoa gắn liền với quá trình liên kết đào tạo hai giai đoạn với Phân viện đại học pháp lý khu vực phía Nam (nay là Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh) từ năm học 1994 – 1995. Sau đó, Khoa Luật học đã đổi tên từ Ban Luật học thành Khoa Luật năm 2003 theo Quyết định số 3585/QĐ- BGDĐT ngày 07 tháng 7 năm 2003 và đổi tên thành Khoa luật học năm 2008 theo Quyết định số 204/QĐ/ĐHĐL/TC-HC ngày 28/3/2008.

Giới thiệu về tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục của Khoa

Đến năm 2030, Khoa Luật học, Trường Đại học Đà Lạt hướng tới trở thành một trong những cơ sở đào tạo luật trọng điểm của Việt Nam.

Sứ mệnh

Khoa Luật học, Trường Đại học Đà Lạt là một khoa đào tạo trình độ cử nhân luật và hướng đến đào tạo trình độ sau đại học nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho cả nước, đặc biệt là cho khu vực Tây nguyên, Nam Trung bộ và Đông Nam bộ.

Mục tiêu

Đào tạo, nghiên cứu và cung cấp dịch vụ chất lượng cao.

Gía trị cốt lõi

CHẤT LƯỢNG – PHÁT TRIỂN – TRÁCH NHIỆM

Triết lý giáo dục

“Học cho bản thân – Học để phụng sự đất nước – Học để bảo vệ công lý và công bằng xã hội”.

Gía trị văn hóa

(1) Dân chủ; (2) Minh bạch; (3) Đổi mới; và (4) Chất lượng.

Năm 1994 Trường Đại học Đà Lạt liên kết đào tạo hai giai đoạn với Phân viện đại học pháp lý khu vực phía Nam (nay là Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh) để đào tạo khoá cử nhân luật đầu tiên. Lịch sử hình thành và phát triển, Khoa Luật học đã đào tạo khoảng hơn hai vạn cử nhân luật đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế – xã hội và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay.

Kiểm định chất lượng giáo dục chương trình đào tạo

Ngày 07 tháng 10 năm 2022, Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo ngành Luật trình độ đại học cho Trường Đại học Đà Lạt.

Khoa Luật học hiện có 26 cán bộ cơ hữu và 2 chuyên viên trong đó có 01 Phó giáo sư, 06 tiến sĩ luật, 17 thạc sĩ luật (có 06 thạc sĩ đang làm nghiên cứu sinh ở trong và ngoài nước, 02 cử nhân đang học cao học luật).

2. Sự cần thiết mở ngành Thạc sĩ Luật**2.1. Nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao**

Nguồn nhân lực hay nguồn lực con người là “nguồn lực” đặc biệt của mỗi quốc gia, bao gồm trình độ học vấn, trình độ chuyên môn; phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống; kỹ năng nghề nghiệp; sức khỏe, mức độ thích ứng với điều kiện, hoàn cảnh công tác... của mỗi cá nhân hợp thành khả năng lao động xã hội. Nguồn lực con người, với nguồn vốn, nguồn tài nguyên thiên nhiên, cơ sở vật chất - kỹ thuật, khoa học - công nghệ... luôn có mối quan hệ mật thiết với nhau, trong đó nguồn nhân lực có vai trò chi phối các nguồn lực khác. Nghĩa là nguồn nhân lực là nhân tố quyết định việc khai thác, sử dụng, bảo vệ và tái tạo các nguồn lực khác. Vì vậy nguồn

nhân lực quyết định sự phát triển của mỗi quốc gia. Thực tiễn đã chứng minh, có những quốc gia không giàu về tài nguyên, điều kiện thiên nhiên khó khăn, khắc nghiệt như Nhật Bản, Israel, Singapore... nhưng với việc phát huy lợi thế nguồn nhân lực chất lượng cao, các nước này vẫn phát triển nhanh chóng, trở thành những cường quốc giàu mạnh trên thế giới.

Ở Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII đã nêu rõ các mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2025 là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp; Đến năm 2030 là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; Đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Để đạt được các mục tiêu này, Đảng đã xác định nguồn nhân lực chất lượng cao có vai trò đặc biệt quan trọng. Vì vậy, Văn kiện Đại hội XIII đã chỉ rõ một trong các định hướng chiến lược là “*Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và sử dụng nhân tài...*”¹ Quan điểm này cho thấy Đảng xác định vấn đề phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là vấn đề sống còn của đất nước, là khâu then chốt, quyết định sự thành công của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước. Nguồn nhân lực chất lượng cao cũng chính là cơ sở quan trọng để xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Văn kiện của Đảng cũng nhấn mạnh cần “*Tiếp tục xây dựng nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân*”.² Trong đó, một vấn đề mấu chốt là phải tạo ra được nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp xây dựng và hoàn thiện nền tư pháp Việt Nam.

Theo Tổng cục Thống kê, lực lượng lao động của nước ta đã tăng từ 50,4 triệu người năm 2010 lên 56,2 triệu người năm 2020. Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2015 là 51,6%, đến năm 2020 tăng lên khoảng 64,5%, trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ năm 2015 là 20,29%, đến năm 2020 đã tăng lên đến khoảng 24,5%. Chỉ số phát triển con người (Human Development Index - HDI) của Việt

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội năm 2021, tr.36, 37.

² Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội năm 2021, tr.177.



Nam được xếp hạng ở vị trí 110/189 quốc gia và đứng thứ nhì trong khu vực Đông Nam Á, sau chỉ số HDI của Singapore.³ Điều này cho thấy nguồn nhân lực nói chung của Việt Nam hiện đang có trình độ khá thấp và chưa đáp ứng được nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

2.2. Nhu cầu nguồn nhân lực tư pháp quốc gia chất lượng cao

Nhân lực tư pháp quốc gia, với tư cách một bộ phận cấu thành nhân lực quốc gia, do vậy, là một nội dung đặc biệt quan trọng của cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay. Nhân lực tư pháp ở nghĩa hẹp là những người thực hiện quyền tư pháp, chính là đội ngũ Thẩm phán. Nhân lực tư pháp theo nghĩa rộng, là những người thực hiện quyền tư pháp, bao gồm đội ngũ Thẩm phán và những người tham gia thực hiện quyền tư pháp, như Kiểm sát viên, Điều tra viên, đội ngũ những người tham gia hoạt động tố tụng, đội ngũ các chức danh tư pháp khác làm việc trong các cơ quan thực hiện quyền tư pháp và các cơ quan tham gia thực hiện quyền tư pháp trên cả nước. Phát triển nhân lực tư pháp là phát triển khâu đột phá của cải cách tư pháp. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 (Nghị quyết số 49) đã chỉ rõ: “Đội ngũ cán bộ tư pháp, hỗ trợ tư pháp còn thiếu; trình độ nghiệp vụ và bản lĩnh chính trị của một bộ phận cán bộ còn yếu, thậm chí, có một số cán bộ sa sút về phẩm chất, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp. Vẫn còn tình trạng oan, sai trong điều tra, bắt, giam giữ, truy tố, xét xử”.⁴ Nghị quyết cũng xác định một trong những phương hướng cải cách tư pháp là: “Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp, hỗ trợ tư pháp, nhất là cán bộ có chức danh tư pháp, theo hướng đề cao quyền hạn, trách nhiệm pháp lý, nâng cao và cụ thể hóa tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất, đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm, kiến thức xã hội đối với từng loại cán bộ”. Điều này cho thấy, nhu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tư pháp đang đặt ra hết sức cấp thiết hiện nay nhằm bảo đảm

³ Lê Lan Hương, Chiến lược phát triển nguồn nhân lực quốc gia của Việt Nam trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, đăng ngày 27/9/2021 trên Tạp chí Công thương Online. Nguồn: <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/chien-luoc-phat-trien-nguon-nhan-luc-quoc-gia-cua-viet-nam-trong-boi-can-duc-cuoc-cach-mang-cong-nghep-4-83984.htm>.

⁴ Ban chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

chất lượng nguồn nhân lực tư pháp trong tất cả các cơ quan tư pháp, cơ quan hỗ trợ tư pháp, góp phần tiếp tục đẩy mạnh cải cách tư pháp nhằm đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới như chỉ đạo của Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương, Trưởng Ban Chỉ đạo Đề án “Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam” tại Hội thảo cải cách tư pháp Trung ương tại Tòa án nhân dân đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 của Tòa án nhân dân Tối cao.⁵

2.3. Nhu cầu đội ngũ Luật sư chất lượng cao

Đội ngũ Luật sư ở Việt Nam có quá trình hình thành và phát triển chưa dài. Năm 1989 cả nước mới có 186 Luật sư, đến tháng 9/2001 tăng lên 2.100 Luật sư và số lượng Luật sư trong những năm gần đây tăng trung bình 700 đến 1.000 Luật sư/năm. Tính đến năm 2021, cả nước có hơn 16.000 Luật sư với hơn 4.000 tổ chức hành nghề luật sư. Tuy nhiên, các tổ chức hành nghề có số lượng Luật sư từ 5 thành viên trở lên rất ít, chủ yếu từ 1 đến 3 Luật sư và hành nghề chủ yếu dưới hình thức đơn lẻ.⁶ Thực tiễn cho thấy, nhân lực Luật sư ở Việt Nam hiện nay vừa thiếu về số lượng, vừa hạn chế về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp và trình độ ngoại ngữ, tin học. Tỷ lệ Luật sư tính trung bình trong dân số (ước tính dân số Việt Nam năm 2021 là 98,51 triệu người)⁷ thì mới chỉ có khoảng 01 Luật sư trên 6.156 người dân, trong đó tập trung chủ yếu ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh⁸. Về chất lượng đội ngũ Luật sư, bên cạnh số người được đào tạo cơ bản, có trình độ chuyên môn tốt, vẫn có không ít người có trình độ chuyên môn chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Ý kiến của nhiều chuyên gia cho rằng “việc xây dựng và phát triển đội ngũ Luật sư trong tình hình mới, trọng tâm nhất vẫn cần quan tâm về vấn đề chất lượng, đội ngũ Luật sư phải đáp ứng được tất cả nhu cầu sử dụng

⁵ Vi Thảo, Tiếp tục đẩy mạnh cải cách tư pháp nhằm đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, đăng ngày 11/01/2022 trên Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam. Nguồn: <https://dangcongsan.vn/thoi-su/tiep-tuc-day-manh-cai-cach-tu-phap-nham-dap-ung-yeu-cau-trong-tinh-hinh-moi-601813.html>.

⁶ Trần Tuấn, Cả nước có hơn 16.000 luật sư, 4.000 tổ chức hành nghề luật sư, đăng ngày 22/12/2021 trên Báo Lao động. Nguồn: <https://laodong.vn/phap-luat/ca-nuoc-co-hon-16000-luat-su-4000-to-chuc-hanh-nghe-luat-su-987234.ldo>.

⁷ Thành Nam, Dân số trung bình năm 2021 của cả nước ước tính 98,51 triệu người, đăng ngày 29/12/2021 trên Báo Dân sinh, Cơ quan của Bộ LĐTĐ&XH. Nguồn: <https://baodansinh.vn/dan-so-trung-binh-nam-2021-cua-ca-nuoc-uoc-tinh-9851-trieu-nguoi-20211229100342.htm>.

⁸ Trần Trung, Nghề luật sư - thực tiễn hành nghề tại Việt Nam, đăng trên báo Công thương online ngày 26/7/2020. Nguồn: <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/nghe-luat-su-thuc-tien-hanh-nghe-tai-viet-nam-73576.htm>.

pháp lý của xã hội, không kể là tổ chức/cá nhân trong nước hay nước ngoài. Chỉ như vậy thì vị trí, vai trò, chức năng xã hội của Luật sư mới bao hàm được những ý nghĩa xã hội to lớn mà chế độ xã hội mang lại cho Luật sư và nghề Luật sư, mới xứng đáng với sự tôn trọng, tôn vinh của xã hội cho nghề nghiệp này”⁹

Những phân tích trên cho thấy, nhu cầu đào tạo nâng cao chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp của đội ngũ Luật sư hiện nay là rất lớn và rất cấp bách nhằm tạo ra được một đội ngũ Luật sư lành nghề, có trình độ chuyên môn cao trên phạm vi toàn quốc, đặc biệt là đội ngũ Luật sư tại các tỉnh, thành trừ Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực cao phục vụ sự nghiệp phát triển của đất nước.

2.4. Nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao trình độ Thạc sĩ ngành Luật và nhu cầu tham dự khóa đào tạo Thạc sĩ ngành Luật

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã nhấn mạnh quan điểm “*Nghiên cứu, ban hành Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045, trong đó có Chiến lược pháp luật và cải cách tư pháp.*”¹⁰ Bối cảnh này cho thấy, không chỉ nhu cầu nguồn nhân lực tư pháp chất lượng cao đang đặt ra rất cấp bách mà để thực hiện Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đòi hỏi nhu cầu rất lớn về nguồn nhân lực chất lượng cao trình độ Thạc sĩ ngành Luật. Có thể thấy, bất kỳ cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp nào cũng đều phải sử dụng nhân lực các ngành luật, đặc biệt là chuyên ngành Luật trong hoạt động của bộ phận pháp chế, tư vấn pháp luật. Hiện chưa có số liệu chính thức về trình độ của đội ngũ này, nhưng đa số chỉ mới có trình độ cử nhân, thậm chí nhiều người mới đạt trình độ trung cấp luật.

Mặt khác, trong bối cảnh hợp tác quốc tế phát triển mạnh mẽ đã mở ra nhiều cơ hội cho Việt Nam trong phát triển kinh tế, nhưng cũng đặt ra nhu cầu rất cấp thiết

⁹ Đặng Văn Cường, Phát triển đội ngũ Luật sư trong tình hình mới: Trọng tâm vẫn là nâng cao chất lượng, đăng trên Tạp chí Điện tử Luật sư Việt Nam ngày 16/12/2021. Nguồn: <https://lsvn.vn/phat-trien-doi-ngu-luat-su-trong-tinh-hinh-moi-trong-tam-van-la-nang-cao-chat-luong1639625652.html>.

¹⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội năm 2021, tr.177.

về nguồn nhân lực chất lượng cao trình độ Thạc sĩ các ngành luật, trong đó có Thạc sĩ chuyên ngành Luật. Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (Comprehensive and Progressive Agreement for Trans - Pacific Partnership - CPTPP) có hiệu lực từ ngày 14/01/2019 và Hiệp định Thương mại tự do EU - Việt Nam (European - Vietnam Free Trade Agreement - EVFTA) có hiệu lực từ ngày 01/8/2020 với những tiêu chuẩn quy định về lao động trong thương mại đã đặt ra nhu cầu rất cấp bách về lực lượng lao động chất lượng cao trình độ Thạc sĩ các ngành luật phục vụ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng về đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã chỉ rõ: “*Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 18/4/2017 về “đào tạo, phát triển và nâng cao nguồn nhân lực tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2030”, lực lượng lao động của tỉnh tăng cả về số lượng và chất lượng, lao động làm việc trong các ngành kinh tế đạt khoảng 794.520 lao động, tăng 78.520 lao động so với năm 2015. Tỷ lệ lao động trong các ngành, lĩnh vực đã qua đào tạo đạt 70%; lao động được đào tạo nghề có việc làm mới đạt 99,8%; tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi đạt dưới 1,2%. Tuy nhiên, nguồn nhân lực của tỉnh vẫn còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, hội nhập quốc tế. Trình độ, năng lực, kỹ cương, kỷ luật của một bộ phận cán bộ công chức viên chức chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Năng suất, chất lượng lao động còn thấp, cơ cấu lao động chuyển dịch còn chậm.*” Nghị quyết đã chỉ rõ mục tiêu: “*Phát triển nguồn nhân lực, chú trọng nguồn nhân lực chất lượng cao*”, đặc biệt, Nghị quyết đưa ra mục tiêu cụ thể đến năm 2025 là “*Tỷ lệ cán bộ, công chức có trình độ trên đại học cấp tỉnh đạt từ 28%, cấp huyện đạt từ 15% trở lên*”. Định hướng đến năm 2030 “*Tỷ lệ cán bộ, công chức có trình độ trên đại học cấp tỉnh đạt từ 30%, cấp huyện đạt từ 20% trở lên*”.¹¹ Điều này cho thấy, việc mở ngành đào tạo Thạc sĩ ngành Luật hoàn toàn phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng và sẽ góp phần quan trọng trong việc thực hiện được

¹¹ Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng, Nghị quyết về đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

các chỉ tiêu mà Nghị quyết Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng về đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã xác định.

Về nhu cầu đào tạo: Theo Báo cáo Tổng kết Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 18/4/2017 của Tỉnh ủy về đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2030 thì tính đến hết năm 2021, tỷ lệ công chức hành chính cấp tỉnh, huyện có trình độ sau đại học phù hợp với vị trí việc làm mới đạt 18,10% trong tổng số 29.294 người.¹² Điều này cho thấy, vẫn còn một số lượng đáng kể công chức, viên chức hành chính cấp tỉnh, huyện cần phải tham gia các khóa đào tạo sau đại học. Đó là chưa kể số lượng lao động không phải là công chức, viên chức có nhu cầu học Thạc sĩ ngành Luật là rất lớn. Hơn nữa, đội ngũ cán bộ, công chức và người lao động trong khu vực Tây Nguyên và các tỉnh lân cận cũng có nhu cầu học Thạc sĩ ngành Luật là rất lớn.

Kết quả khảo sát nhu cầu học tập nâng cao kiến thức pháp luật thông qua chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Luật cho thấy, có 78,5% số người được khảo sát có nhu cầu cấp thiết và rất cấp thiết tham gia khóa đào tạo Thạc sĩ ngành Luật, trong đó 52,3% có nhu cầu cấp thiết và 26,2% có nhu cầu rất cấp thiết. Khảo sát về thời gian mong muốn tham gia khóa đào tạo Thạc sĩ ngành Luật, có đến 43,8% số người được khảo sát mong muốn tham gia khóa đào tạo Thạc sĩ ngành Luật ngay trong năm 2022, 19,2% có mong muốn tham gia khóa đào tạo Thạc sĩ ngành Luật trong năm 2023 và 36,9% có mong muốn tham gia khóa đào tạo trong những năm tiếp theo. Khảo sát ý kiến về mức độ cần thiết tham gia khóa học nâng cao kiến thức pháp luật thông qua chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Luật của những người có trình độ cử nhân Luật cho thấy, có đến 92,2% cho rằng việc tham gia khóa đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Luật là cần thiết và rất cần thiết, trong đó 38,4% cho là rất cần thiết và 53,8% cho là cần thiết. Chỉ có 3,1% cho là chưa cần thiết.

Những phân tích trên cho thấy, nhu cầu nhân lực chất lượng cao trình độ Thạc

¹² Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng, Báo cáo Tổng kết Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 18/4/2017 của Tỉnh ủy về đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2030, tr.5, 10.

sĩ các ngành luật, trong đó có Thạc sĩ chuyên ngành Luật hiện đang đặt ra hết sức cấp bách trong tất cả các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cả trong các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ và nhu cầu mong muốn học tập nâng cao trình độ đang đặt ra hết sức cấp thiết đối với những người tốt nghiệp cử nhân luật.

3. Chương trình đào tạo

- Ngày 21 tháng 6 năm 2022 Hội đồng Trường Trường Đại học Đà Lạt đã ban hành Nghị quyết số 511/NQ-ĐHDL-HĐT đồng ý về chủ trương mở ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Luật tại Trường Đại học Đà Lạt.

- Ngày 23 tháng 6 năm 2022 Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt đã ra Quyết định số 518/QĐ-ĐHDL về việc thành lập Ban xây dựng Đề án mở ngành, Ban thư ký, Ban soạn thảo chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Luật.

- Ngày 09 tháng 8 năm 2022, Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt đã ra Quyết định số 677/QĐ-ĐHDL về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Luật và các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Luật.

- Ngày 28 tháng 8 năm 2022, Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Luật đã họp tại Trường Đại học Đà Lạt để thẩm định chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Luật và các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Luật.

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Luật đã được hoàn thiện theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định và đã được Hội đồng thẩm định xác nhận.

- Ngày 06 tháng 9 năm 2022, Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt đã ra Quyết định số 739/QĐ-ĐHDL ban hành Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Luật theo định hướng nghiên cứu và Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Luật theo định hướng ứng dụng.

3.1. Chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu

Cấu trúc của chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu chia làm 4 khối kiến thức: Khối kiến thức chung; Khối kiến thức chuyên ngành; Khối kiến thức chuyên đề nghiên cứu khoa học và luận văn tốt nghiệp.

- Khối kiến thức chung

Khối kiến thức chung có tổng số là 9 tín chỉ (03 môn học), cụ thể như sau:

Kiến thức chung		Số tín chỉ		
		Tổng	Bắt buộc	Tự chọn
		9	9	0
A1	Triết học	4	4	0
A2	Tiếng Anh	3	3	0
A3	Phương pháp nghiên cứu khoa học và kỹ năng nghiên cứu Luật	2	2	0

- Khối kiến thức chuyên ngành

Khối kiến thức chuyên ngành có tổng số là 24 tín chỉ (bao gồm các học phần bắt buộc và tự chọn, trong đó các học phần bắt buộc là 24 tín chỉ (12 môn học) và học phần tự chọn là 06 tín chỉ (03 môn học) lựa chọn trong tổng số 24 tín chỉ (12 môn học) được xây dựng trong chương trình đào tạo.

Cụ thể như sau:

Kiến thức chuyên ngành		Số tín chỉ		
		Tổng	Bắt buộc	Tự chọn
		24/42	18	6/24
B1	Những vấn đề lý luận và thực tiễn chuyên sâu về nhà nước pháp quyền	2	2	
B2	Những vấn đề lý luận và thực tiễn chuyên sâu về quyền con người	2	2	
B3	Những vấn đề lý luận và thực tiễn chuyên sâu về Luật Hiến pháp	2	2	
B4	Những vấn đề lý luận và thực tiễn chuyên sâu về Luật Hành chính	2	2	
B5	Những vấn đề lý luận và thực tiễn chuyên sâu về tội phạm	2	2	
B6	Những vấn đề lý luận và thực tiễn chuyên sâu về trách nhiệm hình sự và hình phạt	2	2	
B7	Những vấn đề lý luận và thực tiễn chuyên sâu về xử lý người dưới 18 tuổi vi phạm pháp luật	2	2	
B8	Những vấn đề lý luận và thực tiễn chuyên sâu về tài sản	2	2	

Kiến thức chuyên ngành		Số tín chỉ		
		Tổng	Bắt buộc	Tự chọn
		24/42	18	6/24
B9	Những vấn đề lý luận và thực tiễn chuyên sâu về pháp luật hợp đồng	2	2	
B10	Những vấn đề lý luận và thực tiễn chuyên sâu về cưỡng chế hành chính và trách nhiệm hành chính	2		2
B11	Những vấn đề lý luận và thực tiễn chuyên sâu về tranh tụng trong tố tụng hình sự	2		2
B12	Những vấn đề lý luận và thực tiễn chuyên sâu về các chức năng cơ bản của tố tụng hình sự	2		2
B13	Những vấn đề lý luận và thực tiễn chuyên sâu về nghĩa vụ dân sự	2		2
B14	Những vấn đề lý luận và thực tiễn chuyên sâu về các biện pháp bảo đảm	2		2
B15	Những vấn đề lý luận và thực tiễn chuyên sâu về pháp luật thương mại	2		2
B16	Những vấn đề lý luận và thực tiễn chuyên sâu về pháp luật cạnh tranh chống độc quyền	2		2
B17	Những vấn đề lý luận và thực tiễn chuyên sâu về pháp luật thương mại điện tử.	2		2
B18	Những vấn đề lý luận và thực tiễn chuyên sâu về pháp luật đất đai	2		2
B19	Những vấn đề lý luận và thực tiễn chuyên sâu về pháp luật môi trường	2		2
B20	Những vấn đề lý luận và thực tiễn chuyên sâu về pháp luật lao động	2		2
B21	Những vấn đề lý luận và thực tiễn chuyên sâu về hợp đồng thương mại quốc tế	2		2

- Khối kiến thức chuyên đề nghiên cứu khoa học

Khối kiến thức chuyên đề nghiên cứu khoa học có tổng số là 12 tín chỉ bắt buộc (06 môn học), cụ thể như sau:

Kiến thức chuyên ngành		Số tín chỉ		
		Tổng	Bắt buộc	Tự chọn
		24/42	18	6/24
C1	Những vấn đề lý luận và thực tiễn chuyên sâu về Tài phán Hiến pháp và Tài phán hành chính	2	2	0
C2	Những vấn đề lý luận và thực tiễn chuyên sâu về định tội danh và quyết định hình phạt	2	2	0
C3	Những vấn đề lý luận và thực tiễn chuyên sâu về chứng cứ và chứng minh trong tố tụng	2	2	0
C4	Những vấn đề lý luận và thực tiễn chuyên sâu về thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp	2	2	0
C5	Những vấn đề lý luận và thực tiễn chuyên sâu về giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại	2	2	0
C6	Những vấn đề lý luận và thực tiễn chuyên sâu về pháp luật phòng, chống tham nhũng	2	2	0

- Luận văn tốt nghiệp

Luận văn tốt nghiệp có tổng số là 15 tín chỉ.

3.2. Chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng

Cấu trúc của chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu chia làm 4 khối kiến thức: Khối kiến thức chung; Khối kiến thức chuyên ngành; thực tập tốt nghiệp và Đề án tốt nghiệp

- Khối kiến thức chung

Khối kiến thức chung có tổng số là 9 tín chỉ (03 môn học), cụ thể như sau:

Kiến thức chung		Số tín chỉ		
		Tổng	Bắt buộc	Tự chọn
		9	9	0
A1	Triết học	4	4	0
A2	Tiếng Anh	3	3	0
A3	Phương pháp nghiên cứu khoa học và kỹ năng nghiên cứu Luật	2	2	0

- Khối kiến thức chuyên ngành

Khối kiến thức chuyên ngành có tổng số là 36 tín chỉ với 18 môn học, trong đó có 30 tín chỉ bắt buộc (15 môn học) và 06 tín chỉ tự chọn (03 môn học) trong tổng số 24 tín chỉ (12 môn học), cụ thể như sau:

Kiến thức chung		Số tín chỉ		
		Tổng	Bắt buộc	Tự chọn
		36/54	30	6/24
B1	Nhà nước pháp quyền: Lý luận và thực tiễn	2	2	
B2	Quyền con người: Lý luận và thực tiễn	2	2	
B3	Luật Hiến pháp: Lý luận và thực tiễn	2	2	
B4	Luật Hành chính: Lý luận và thực tiễn	2	2	
B5	Tội phạm: Lý luận và thực tiễn	2	2	
B6	Trách nhiệm hình sự và hình phạt: Lý luận và thực tiễn	2	2	
B7	Xử lý người dưới 18 tuổi vi phạm pháp luật: Lý luận và thực tiễn	2	2	
B8	Tài sản: Lý luận và thực tiễn	2	2	
B9	Pháp luật hợp đồng: Lý luận và thực tiễn	2	2	
B10	Tài phán Hiến pháp và Tài phán Hành chính: Lý luận và thực tiễn	2	2	
B11	Định tội danh và quyết định hình phạt: Lý luận và thực tiễn	2	2	
B12	Chứng cứ và chứng minh trong tố tụng: Lý luận và thực tiễn	2	2	
B13	Thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp: Lý luận và thực tiễn	2	2	
B14	Giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại: Lý luận và thực tiễn	2	2	
B15	Pháp luật phòng, chống tham nhũng: Lý luận và thực tiễn	2	2	
B16	Cưỡng chế hành chính và trách nhiệm hành chính: Lý luận và thực tiễn	2		2



Kiến thức chung		Số tín chỉ		
		Tổng	Bắt buộc	Tự chọn
		36/54	30	6/24
B17	Tranh tụng trong tố tụng hình sự: Lý luận và thực tiễn	2		2
B18	Các chức năng cơ bản của tố tụng hình sự: Lý luận và thực tiễn	2		2
B19	Nghĩa vụ dân sự: Lý luận và thực tiễn	2		2
B20	Các biện pháp bảo đảm: Lý luận và thực tiễn	2		2
B21	Pháp luật thương mại: Lý luận và thực tiễn	2		2
B22	Pháp luật cạnh tranh chống độc quyền: Lý luận và thực tiễn	2		2
B23	Pháp luật thương mại điện tử: Lý luận và thực tiễn	2		2
B24	Pháp luật đất đai: Lý luận và thực tiễn	2		2
B25	Pháp luật môi trường: Lý luận và thực tiễn	2		2
B26	Pháp luật lao động: Lý luận và thực tiễn	2		2
B27	Hợp đồng thương mại quốc tế: Lý luận và thực tiễn	2		2

- Khối kiến thức thực tập tốt nghiệp

Khối kiến thức thực tập tốt nghiệp gồm hai học phần bắt buộc, mỗi học phần có 03 tín chỉ, cụ thể như sau:

Kiến thức chung		Số tín chỉ		
		Tổng	Bắt buộc	Tự chọn
		6	6	0
C1	Thực tập 1	3	3	
C2	Thực tập 2	3	3	

- Đề án tốt nghiệp

Đề án tốt nghiệp có tổng số là 09 tín chỉ.

4. Điều kiện đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo Thạc sĩ ngành Luật

Theo quy định tại Điều 5 Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm

2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, định chỉ hoạt động của ngành trình độ đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ thì điều kiện tối thiểu để mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ là có ít nhất 05 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu, trong đó có ít nhất một giáo sư hoặc phó giáo sư có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của các ngành khác).

Đội ngũ giảng viên cơ hữu của Khoa Luật hiện nay gồm 07 tiến sĩ ngành phù hợp, trong đó có 01 phó giáo sư đã công tác giảng dạy đại học từ năm 1991 đến nay. Danh sách cụ thể đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy chương trình thạc sĩ ngành Luật như sau:

**DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY
CHƯƠNG TRÌNH THẠC SĨ NGÀNH LUẬT**

STT	GIẢNG VIÊN	Chuyên ngành	Đơn vị
1.	PGS. TS. Nguyễn Tất Thắng	Ngôn ngữ Anh	Khoa ngoại ngữ
2.	TS. Trương Thị Mỹ Vân	Ngôn ngữ Anh	Khoa ngoại ngữ
3.	TS. Đinh Thị Hoàng Phương	Triết học	Khoa Lý luận chính trị
4.	TS. Phạm Hữu Doanh	Triết học	Khoa Lý luận chính trị
5.	TS. Lê Hồng Phong	Phương pháp nghiên cứu khoa học và kỹ năng nghiên cứu luật	Khoa Ngữ văn và Lịch sử
6.	PGS. TS. Trần Hữu Tráng	Luật học	Khoa Luật học
7.	TS. Nguyễn Thị Loan	Luật hình sự và Tố tụng hình sự	Khoa Luật học
8.	TS. Nguyễn Văn Nghiệp	Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm	Khoa Luật học
9.	TS. Trần Thị Ngọc Kim	Luật hình sự và Tố tụng hình sự	Khoa Luật học
10.	TS. Nguyễn Thị Vân Anh	Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật	Khoa Luật học
11.	TS. Nguyễn Thị Phương Hà	Hành chính và Hiến pháp	Khoa Luật học
12.	TS. Nguyễn Thị Cẩm Tú	Luật Quốc tế	Khoa Luật học

Ngoài ra, hiện nay, đội ngũ cán bộ, giảng viên của Khoa cũng đang có 06 thạc sĩ đang làm nghiên cứu sinh trong nước và nước ngoài dự kiến sẽ bảo vệ luận án tiến

sỹ trong giai đoạn 2022-2023. Khoa cũng đã có kế hoạch để tiếp nhận thêm các cán bộ, giảng viên có trình độ tiến sĩ về công tác tại Khoa trong thời gian tới cũng như tiếp tục có kế hoạch để các giảng viên có trình độ thạc sĩ tham dự các khóa đào tạo tiến sĩ trong nước và nước ngoài.

Như vậy điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo Thạc sĩ ngành Luật hoàn toàn đáp ứng tốt yêu cầu về điều kiện mở ngành đào tạo Thạc sĩ ngành Luật theo các quy định hiện hành của Nhà nước, của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Điều kiện cơ sở vật chất để mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Luật

Trường Đại học Đà Lạt là một trong những cơ sở đào tạo có hệ thống thư viện quy mô, hiện đại trong cả nước với 58.938 danh mục sách; 168.510 bản sách và 2.668 nhan đề luận án; 3.272 bản luận án; 44.575 tài liệu điện tử. Trường Đại học Đà Lạt là một trong những trường có khuôn viên rộng khoảng 40 ha, với cảnh quan đẹp nổi tiếng ở trong và ngoài nước; hệ thống cơ sở vật chất của Nhà trường ngày càng được đầu tư khang trang, hiện đại. Năm 2017, theo đánh giá xếp hạng, phân tầng đại học, Trường Đại học Đà Lạt xếp thứ 13 về tiêu chí cơ sở vật chất. Như vậy, với thực trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, giáo trình hoàn toàn có thể đảm bảo đầy đủ điều kiện để mở ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Luật.

Cơ sở vật chất của Khoa Luật học được Nhà trường giao quản lý với Văn phòng Khoa đặt tại nhà A18 Trường Đại học Đà Lạt số 01 Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Hiện nay, Khoa đã được Nhà trường bố trí thêm 01 phòng tại Hội trường thống nhất để mở Trung tâm thực hành nghề luật nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài liệu tham khảo, giáo trình, tài liệu số hoàn toàn đáp ứng tốt các điều kiện về cơ sở vật chất để mở ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Luật.

6. Điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo Thạc sĩ ngành Luật

- Đơn vị chuyên môn được giao quản lý các hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học đối với ngành Luật trình độ thạc sĩ là Khoa Luật học, Trường Đại học Đà Lạt. Khoa Luật học chịu trách nhiệm về toàn bộ Chương trình đào tạo, triển khai tổ

chức giảng dạy các môn học trong Chương trình đào tạo; tổ chức cho học viên thực hiện nghiên cứu khoa học, các chuyên đề nghiên cứu khoa học, thực tập, thực hành, thực hiện luận văn tốt nghiệp và các hoạt động khác trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình đào tạo theo đúng Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đà Lạt.

Người được giao chịu trách nhiệm về chuyên môn của Khoa Luật học là PGS. TS. Trần Hữu Tráng.

- Đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Luật là Phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Đà Lạt. Phòng Quản lý đào tạo Sau đại học chịu trách nhiệm về quản lý ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Luật cùng với các ngành khác của Trường theo đúng chức năng, nhiệm vụ của Phòng theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đà Lạt.

7. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa và xử lý rủi ro

Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI nhiệm kỳ 2020-2025 số 01-NQ/ĐH ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng đã nêu rõ các mục tiêu cụ thể là:

- Đến năm 2025: Là tỉnh phát triển khá của cả nước.
- Đến năm 2030: Là tỉnh phát triển khá toàn diện của cả nước; tự cân đối được ngân sách và có điều tiết nộp về ngân sách Trung ương;
- Đến năm 2045: tỉnh Lâm Đồng trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

Nghị quyết cũng xác định 04 khâu đột phá, trong đó khâu đột phá thứ hai là *“Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, nhân lực công nghệ thông tin để triển khai có hiệu quả chính quyền điện tử, đô thị thông minh, nền kinh tế số; tạo bước chuyển biến cơ bản về chất lượng giáo dục và đào tạo; phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo”*.¹³

Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng về đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã

¹³ Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI nhiệm kỳ 2020-2025, *Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI nhiệm kỳ 2020-2025 số 01-NQ/ĐH ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng*, tr. 2, 4.

chỉ rõ: “Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 18/4/2017 về “đào tạo, phát triển và nâng cao nguồn nhân lực tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2030”, lực lượng lao động của tỉnh tăng cả về số lượng và chất lượng, lao động làm việc trong các ngành kinh tế đạt khoảng 794.520 lao động, tăng 78.520 lao động so với năm 2015. Tỷ lệ lao động trong các ngành, lĩnh vực đã qua đào tạo đạt 70%; lao động được đào tạo nghề có việc làm mới đạt 99,8%; tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi đạt dưới 1,2%. Tuy nhiên, nguồn nhân lực của tỉnh vẫn còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, hội nhập quốc tế. Trình độ, năng lực, kỹ cương, kỷ luật của một bộ phận CBCCVV chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Năng suất, chất lượng lao động còn thấp, cơ cấu lao động chuyển dịch còn chậm.” Nghị quyết đã chỉ rõ mục tiêu: “Phát triển nguồn nhân lực, chú trọng nguồn nhân lực chất lượng cao”, đặc biệt, Nghị quyết đưa ra mục tiêu cụ thể đến năm 2025 là “Tỷ lệ cán bộ, công chức có trình độ trên đại học cấp tỉnh đạt từ 28%, cấp huyện đạt từ 15% trở lên”. Định hướng đến năm 2030 “Tỷ lệ cán bộ, công chức có trình độ trên đại học cấp tỉnh đạt từ 30%, cấp huyện đạt từ 20% trở lên”.¹⁴

Những đường lối, chủ trương nêu trên cho thấy, việc mở ngành đào tạo Thạc sĩ ngành Luật hoàn toàn phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng và sẽ góp phần quan trọng trong việc thực hiện được các chỉ tiêu mà Nghị quyết Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng về đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã xác định.

Báo cáo Tổng kết Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 18/4/2017 của Tỉnh ủy về đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2030 thì tính đến hết năm 2021, tỷ lệ công chức hành chính cấp tỉnh, huyện có trình độ sau đại học phù hợp với vị trí việc làm mới đạt 18,10% trong tổng số 29.294 người.¹⁵ Điều này có nghĩa là, vẫn còn một số lượng

¹⁴ Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng, Nghị quyết về đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

¹⁵ Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng, Báo cáo Tổng kết Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 18/4/2017 của Tỉnh ủy về đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2030, tr.5, 10.

đáng kể công chức, viên chức hành chính cấp tỉnh, huyện cần phải tham gia các khóa đào tạo sau đại học. Đó là chưa kể số lượng lao động không phải là công chức, viên chức có nhu cầu học Thạc sĩ ngành Luật là rất lớn. Hơn nữa, đội ngũ cán bộ, công chức và người lao động trong khu vực Tây Nguyên và các tỉnh lân cận cũng có nhu cầu học Thạc sĩ ngành Luật là rất lớn.

Như vậy, việc mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Luật hoàn toàn phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của tỉnh Lâm Đồng và khu vực Tây Nguyên nên sẽ không có rủi ro trong việc mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Luật.

Tuy nhiên, để có cái nhìn toàn diện, Ban xây dựng đề án cho rằng, quá trình tổ chức vận hành Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Luật có thể phát sinh các rủi ro sau đây:

- Học viên gặp khó khăn đột xuất về kinh tế nên không hoàn thành nghĩa vụ tài chính.
- Học viên không hoàn thành chương trình đào tạo do quá bận công tác, do hoàn cảnh gia đình có biến cố hoặc do chưa nỗ lực trong học tập, nghiên cứu.
- Giảng viên hướng dẫn có quan điểm bất đồng với học viên về chuyên môn nên học viên không thể hoàn thành luận văn, dự án tốt nghiệp.
- Giáo viên hướng dẫn đi công tác nước ngoài dài hạn hoặc từ trần hoặc không thể liên lạc được dẫn đến học viên không thể hoàn thành luận văn, dự án tốt nghiệp.
- Trường bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo Thạc sĩ ngành Luật.

Để phòng ngừa và xử lý các rủi ro nêu trên khi vận hành Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Luật, Trường Đại học Đà Lạt sẽ thực hiện các giải pháp sau đây:

- Giải pháp thứ nhất: thành lập quỹ hỗ trợ học tập cho học viên.

Quỹ hỗ trợ học tập cho học viên sẽ giao cho các học viên tự thành lập Ban quản lý quỹ có sự tư vấn của Lãnh đạo Khoa Luật học, được tổ chức và hoạt động theo tinh thần của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ xã hội, quỹ từ thiện. Quỹ kêu gọi sự đóng góp tự nguyện của các học viên, giảng viên và các nguồn tài trợ xã hội hóa khác. Ban quản lý sẽ xây dựng quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ để làm cơ sở vận

hành. Mục đích chính của Quỹ là hỗ trợ cho các học viên gặp khó khăn đột xuất về kinh tế để bảo đảm duy trì học tập cho đến khi học viên hoàn thành chương trình đào tạo.

- Giải pháp thứ hai: tăng cường tư vấn, hỗ trợ cho người học.

Để thực hiện giải pháp này, ngoài chủ nhiệm lớp, Lãnh đạo Khoa Luật sẽ giao cho mỗi giảng viên tham gia chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Luật phụ trách một tổ học viên 10 người để nắm bắt các tâm tư, nguyện vọng, điều kiện, hoàn cảnh của từng học viên để có các tư vấn, hỗ trợ kịp thời vừa động viên học viên vượt qua các trở ngại, khó khăn, vừa đôn đốc học viên tích cực học tập, hoàn thành tốt nhất chương trình đào tạo. Ngoài ra, hàng tuần, Lãnh đạo Khoa Luật sẽ bố trí lịch tiếp học viên để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc để giúp học viên yên tâm học tập và hoàn thành tốt khóa học.

- Giải pháp thứ ba: tăng cường phối hợp trong hướng dẫn học viên thực hiện luận văn, đề án tốt nghiệp.

Để thực hiện giải pháp này, khi phân công giảng viên hướng dẫn luận văn, đề án tốt nghiệp, Khoa Luật học tư vấn Nhà trường phân công hai giảng viên hướng dẫn, trong đó có một giảng viên hướng dẫn chính và một giảng viên hướng dẫn phụ. Trường hợp giảng viên hướng dẫn chính không thể tiếp tục hướng dẫn học viên thì giao cho hướng dẫn phụ trở thành hướng dẫn chính để hướng dẫn học viên hoàn thành luận văn hoặc dự án tốt nghiệp.

Trường hợp các giảng viên đồng hướng dẫn có quan điểm bất đồng với học viên về chuyên môn, Khoa Luật học sẽ tổ chức tọa đàm chuyên đề chuyên sâu để thống nhất các vấn đề chuyên môn đang còn chưa thống nhất giữa giảng viên và học viên. Kết luận của Tọa đàm chuyên môn sẽ là kết luận cuối cùng và cả giảng viên, học viên đều phải thực hiện.

- Giải pháp thứ tư: xử lý hậu quả trong trường hợp Trường bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Luật.

Để thực hiện giải pháp này, Trường Đại học Đà Lạt sẽ ký thỏa thuận hợp tác với Học viện Khoa học Xã hội, trong đó có nội dung: Trong trường hợp xấu nhất là Trường bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Luật, Trường

Đại học Đà Lạt sẽ chuyển toàn bộ học viên đang đào tạo cho Học viện Khoa học xã hội (cơ sở tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh hoặc cơ sở Miền trung Tây Nguyên) tiếp nhận để tiếp tục đào tạo học viên đến khi học viên cuối cùng hoàn thành chương trình đào tạo. Học viện Khoa học xã hội với năng lực hiện có hoàn toàn đủ điều kiện để thực hiện thỏa thuận này. Thỏa thuận hợp tác này sẽ bảo đảm tối đa quyền lợi của học viên trong trường hợp xấu nhất.

HIỆU TRƯỞNG *BM*



Lê Minh Chiến

